ỨNG DỤNG TRÍ TUỆ NHÂN TẠO TRONG THIẾT KẾ TỪ ĐIỂN TỪ LÁY MINI CHO HỌC SINH TIỂU HỌC

Bùi Thị Tuyết Mai, Nguyễn Khánh Linh, Nguyễn Khắc Sáng, Đinh Thị Thanh, Nguyễn Thị Thanh Tiên, Lê Sao Mai
Trường Đại học Sư phạm, Đại học Đà Nẵng
Email: lsmai@ued.udn.vn

***Tóm tắt**: Bài báo trình bày quy trình ứng dụng trí tuệ nhân tạo (AI) trong thiết kế từ điển từ láy mini nhằm hỗ trợ phát triển năng lực ngôn ngữ cho học sinh lớp 4, 5. Trên cơ sở định hướng của Chương trình Giáo dục phổ thông 2018, nghiên cứu xây dựng hệ thống ngữ liệu từ láy, thiết kế cấu trúc từ điển theo hướng sư phạm, đồng thời tích hợp AI vào các khâu xử lý và phát triển nội dung như giải nghĩa, tạo ví dụ, xây dựng bài tập và gợi ý hình ảnh minh họa. Kết quả là một sản phẩm từ điển mini có tính trực quan, dễ sử dụng, phù hợp với đặc điểm nhận thức của học sinh tiểu học. Bài báo góp phần làm rõ tiềm năng của AI trong thiết kế học liệu ngôn ngữ theo định hướng phát triển năng lực.*

***Từ khóa**: từ láy; từ điển từ láy mini; ứng dụng trí tuệ nhân tạo; thiết kế học liệu; học sinh tiểu học.*

APPLYING ARTIFICIAL INTELLIGENCE IN THE DESIGN OF A MINI DICTIONARY OF VIETNAMESE REDUPLICATIVE WORDS FOR PRIMARY SCHOOL STUDENTS

***Abstract:** The article presents a procedure for applying artificial intelligence (AI) in the design of a mini dictionary of Vietnamese reduplicative words, with the aim of supporting the development of language competence among Grade 4 and Grade 5 students. Based on the orientation of the 2018 General Education Curriculum, the study constructs a corpus of reduplicative words, designs the dictionary structure from a pedagogical perspective, and integrates AI into various stages of content processing and development, including definition generation, example creation, exercise design, and the suggestion of illustrative images. The result is a mini dictionary product that is intuitive, user-friendly, and aligned with the cognitive characteristics of primary school students. The article contributes to clarifying the potential of AI in designing language learning materials in a competency-based approach.*

***Keywords:** reduplicative words; a mini dictionary of Vietnamese reduplicative words; application of artificial intelligence; design of learning materials; primary school students.*

Nhận bài: 19/03/2026 Phản biện: 19/04/2026 Duyệt đăng: 24/04/2026

I. ĐẶT VẤN ĐỀ

Trong dạy học Tiếng Việt ở tiểu học, phát triển vốn từ giữ vai trò nền tảng đối với việc hình thành năng lực ngôn ngữ, đặc biệt là năng lực nói và viết. Trong hệ thống từ vựng tiếng Việt, từ láy là một lớp từ có giá trị biểu cảm cao, góp phần tạo nên tính hình tượng, giàu sắc thái cho lời nói và văn bản. Việc sử dụng linh hoạt từ láy giúp học sinh (HS) nâng cao khả năng diễn đạt, đặc biệt trong các dạng bài miêu tả và kể chuyện.

Tuy nhiên, các tài liệu hỗ trợ học từ láy hiện nay, đặc biệt là các từ điển tiếng Việt, chủ yếu được biên soạn theo hướng ngôn ngữ học, với cách giải thích mang tính khái quát, ít yếu tố trực quan và chưa phù hợp với đặc điểm nhận thức của HS tiểu học. Điều này dẫn đến khó khăn trong việc tra cứu, hiểu nghĩa và vận dụng từ láy vào ngữ cảnh cụ thể của HS.

Trong bối cảnh đó, AI đang mở ra nhiều khả năng mới trong xử lý ngữ liệu và thiết kế học liệu ngôn ngữ, đặc biệt ở các khâu xử lý ngữ liệu, tạo ngữ cảnh và phát triển nội dung học tập. Tuy nhiên, việc ứng dụng AI trong thiết kế học liệu cần được đặt trong một quy trình có kiểm soát nhằm đảm bảo tính chính xác ngôn ngữ và phù hợp sư phạm.

Từ những cơ sở trên, bài báo này hướng tới hai mục tiêu: (1) đề xuất một quy trình ứng dụng AI trong thiết kế học liệu từ vựng theo định hướng sư phạm; (2) xây dựng và mô tả sản phẩm từ điển từ láy mini hỗ trợ HS lớp 4, 5 trong học tập Tiếng Việt.

II. NỘI DUNG NGHIÊN CỨU

2.1. Cơ sở lí luận

2.1.1. Từ láy và vai trò trong phát triển năng lực ngôn ngữ

Từ láy là một phương thức cấu tạo từ đặc trưng của tiếng Việt, được hình thành trên cơ sở lặp lại toàn bộ hoặc một phần âm thanh của tiếng gốc, qua đó tạo nên những từ có giá trị biểu cảm và gợi hình cao. Theo Hoàng Văn Hành, *"Từ láy là từ được cấu tạo bằng cách nhân đôi tiếng gốc theo những qui tắc nhất định, sao cho quan hệ giữa các tiếng vừa điệp vừa đối với nhau về ngữ âm có giá trị biểu trưng hóa"*. Diệp Quang Ban cũng nhấn mạnh *"Láy là hiện tượng lặp lại về mặt ngữ*

âm. Phần được lấy làm cơ sở cho sự láy gọi là phần gốc (còn được gọi là phần cơ sở), phần lặp lại nó gọi là phần láy".

Môn Tiếng Việt giữ vị trí trung tâm, đóng vai trò quan trọng trong việc hình thành và phát triển năng lực ngôn ngữ cho HS tiểu học. Trong dạy học Tiếng Việt ở tiểu học, từ láy không được tiếp cận theo hướng lí thuyết ngôn ngữ học chuyên sâu mà chủ yếu được khai thác như một phương tiện làm giàu vốn từ và phát triển năng lực diễn đạt cho HS.

Trong chương trình Tiếng Việt lớp 4, 5, từ láy xuất hiện rải rác trong các bài học mở rộng vốn từ, luyện từ và câu, cũng như trong các văn bản đọc và viết. Nội dung dạy học tập trung vào việc giúp HS:

- Nhận diện một số từ láy quen thuộc;
- Hiểu nghĩa của từ trong ngữ cảnh cụ thể;
- Nhận biết sắc thái biểu cảm của từ;
- Sử dụng từ láy trong nói và viết.

Việc phân loại từ láy ở cấp tiểu học không đặt nặng các tiêu chí ngôn ngữ học phức tạp như láy âm, láy vần hay mô hình cấu tạo, mà chủ yếu dựa trên các nhóm nghĩa gần gũi như: từ láy chỉ âm thanh, hình dáng, màu sắc và hoạt động. Cách tiếp cận này phù hợp với đặc điểm nhận thức cụ thể - hình ảnh của HS, đồng thời tạo điều kiện thuận lợi cho việc mở rộng vốn từ theo trường nghĩa.

Như vậy, trong dạy học tiểu học, từ láy được định hướng khai thác theo hướng thực hành và sử dụng, góp phần nâng cao năng lực biểu đạt ngôn ngữ của HS hơn là tiếp cận như một đối tượng nghiên cứu lí thuyết.

2.1.2. Đặc điểm nhận thức của học sinh tiểu học

HS tiểu học, đặc biệt ở lớp 4, 5 đang ở giai đoạn phát triển mạnh mẽ về nhận thức và ngôn ngữ, song tư duy của các em vẫn mang đậm tính cụ thể - hình ảnh. Ở lứa tuổi này, khả năng chú ý có chủ đích, ghi nhớ logic và tư duy khái quát của HS đã bước đầu hình thành, nhưng vẫn tiếp thu kiến thức hiệu quả hơn qua những hình ảnh trực quan, ví dụ minh họa và các tình huống gần gũi với cuộc sống. Trong học tập ngôn ngữ, đặc biệt với những lớp từ giàu sắc thái như từ láy, HS tiểu học thường dễ hiểu và ghi nhớ hơn khi từ được gắn với âm thanh, hình ảnh và được đặt trong ngữ cảnh cụ thể. Do đó, học liệu hỗ trợ học tập cần được thiết kế theo hướng trực quan, đơn giản, có hệ thống và phù hợp với đặc điểm tư duy của lứa tuổi.

2.1.3. Ứng dụng AI trong thiết kế học liệu ngôn ngữ

Trong bối cảnh chuyển đổi số giáo dục theo định hướng của Chương trình giáo dục phổ thông 2018, việc ứng dụng AI vào thiết kế và phát triển học liệu được xem là một hướng đi có tiềm năng, góp phần đổi mới phương pháp và hình thức tổ chức dạy học theo hướng phát triển năng lực. Với khả năng phân tích ngữ liệu nhanh, tạo sinh nội dung tự động, AI có thể hỗ trợ hiệu quả trong nhiều khâu như thu thập, phân loại và chuẩn hóa ngữ liệu; giải nghĩa từ; tạo ngữ cảnh và hình ảnh minh họa. Bên cạnh đó, công nghệ này còn giúp tiết kiệm thời gian và công sức cho người biên soạn. Trong nghiên cứu này, AI được sử dụng như một công cụ hỗ trợ xử lý ngữ liệu, tạo sinh văn bản, gợi ý hình ảnh minh họa và xây dựng hệ thống bài tập. Tuy nhiên, AI chỉ được sử dụng như một công cụ hỗ trợ, không thay thế hoàn toàn vai trò của con người trong quá trình thiết kế học liệu. Vai trò kiểm soát và điều chỉnh nội dung thuộc về người thiết kế nhằm đảm bảo tính chính xác ngôn ngữ, tính khoa học và tính sư phạm của học liệu. Vì vậy, sự kết hợp giữa khả năng xử lý ngữ liệu của AI và sự kiểm duyệt chuyên môn của con người là hướng tiếp cận phù hợp, góp phần nâng cao chất lượng và hiệu quả trong quá trình thiết kế học liệu ngôn ngữ.

2.2. Quy trình ứng dụng AI trong thiết kế từ điển từ láy mini

Dựa trên đặc thù của học liệu từ vựng và yêu cầu sư phạm ở tiểu học, nghiên cứu đề xuất quy trình 5 bước ứng dụng AI trong thiết kế từ điển từ láy mini, trong đó AI đóng vai trò công cụ hỗ trợ, còn người thiết kế giữ vai trò kiểm soát và hiệu chỉnh.

Bước 1. Xây dựng và chuẩn hóa ngữ liệu đầu vào

Ngữ liệu từ láy được thu thập từ sách giáo khoa Tiếng Việt tiểu học, sau đó được xử lý thủ công thông qua các thao tác: trích xuất, loại bỏ trùng lặp và chuẩn hóa hình thức từ. Việc lựa chọn ngữ liệu dựa trên các tiêu chí như tần suất xuất hiện, giá trị biểu cảm và mức độ phù hợp với HS tiểu học.

Bước 2. Ứng dụng AI trong xử lý và phát triển ngữ liệu

AI được sử dụng ở các khâu sau:

- Phân loại từ láy: AI hỗ trợ gợi ý phân loại (láy âm, láy vần, láy toàn bộ), kết quả được đối chiếu với lí thuyết ngôn ngữ học.
- Giải nghĩa từ: AI tạo bản giải nghĩa sơ bộ theo yêu cầu đơn giản hóa ngôn ngữ.
- Tạo ví dụ ngữ cảnh: AI sinh câu chứa từ láy trong các tình huống quen thuộc với HS.

- Gợi ý hình ảnh minh họa: AI đề xuất mô tả hình ảnh phù hợp với nội dung từ.

- Xây dựng bài tập: AI gợi ý các dạng bài tập như điền từ, lựa chọn từ, đặt câu.

Bước 3. Kiểm duyệt và hiệu chỉnh sư phạm

Các sản phẩm do AI tạo ra được kiểm duyệt theo các tiêu chí, bao gồm độ chính xác về ngữ nghĩa, mức độ phù hợp với lứa tuổi, tính tự nhiên của ngữ cảnh và giá trị sư phạm (khả năng hỗ trợ học tập). Đây là bước có vai trò quyết định trong việc loại bỏ những nội dung chưa phù hợp và điều chỉnh cách diễn đạt để học liệu trở nên gần gũi, dễ hiểu và có tính giáo dục cao hơn. Ở bước này, vai trò của người thiết kế mang tính quyết định nhằm đảm bảo chất lượng học liệu.

Bước 4. Tổ chức nội dung vào cấu trúc từ điển

Các thành phần nội dung sau khi hiệu chỉnh được tích hợp vào cấu trúc mục từ của từ điển. Mỗi mục từ được thiết kế theo định hướng sư phạm, đảm bảo tính rõ ràng và dễ sử dụng, bao gồm các thành phần: từ láy, giải nghĩa, ví dụ sử dụng, hình ảnh minh họa và bài tập luyện tập.

Bước 5. Hoàn thiện và chuẩn hóa sản phẩm

Toàn bộ hệ thống mục từ được rà soát lại nhằm đảm bảo tính thống nhất về hình thức, nội dung và mức độ phù hợp với đối tượng HS lớp 4,5. Đây là bước cuối cùng nhằm đảm bảo chất lượng của từ điển, sẵn sàng đưa vào sử dụng trong dạy học và tự học.

Tóm lại, quy trình ứng dụng AI trong thiết kế từ điển từ láy mini hỗ trợ học tiếng Việt cho HS tiểu học được khái quát như sau:

Ngữ liệu → AI xử lý → Kiểm duyệt sư phạm → Tổ chức nội dung → Hoàn thiện sản phẩm.

Quy trình này cho thấy AI được sử dụng như một công cụ hỗ trợ xử lý và phát triển nội dung, đồng thời khẳng định vai trò không thể thiếu của con người trong việc kiểm soát và hiệu chỉnh nhằm đảm bảo chất lượng của từ điển.

2.3. Thiết kế sản phẩm từ điển từ láy mini

2.3.1. Cấu trúc tổng thể

Từ điển từ láy mini được thiết kế theo cấu trúc học liệu hoàn chỉnh, gồm ba phần chính: ***(1) phần dẫn nhập, (2) phần nội dung chính, (3) phần hỗ trợ tra cứu,*** nhằm đảm bảo tính khoa học, tính sư phạm và tính tiện dụng đối với HS tiểu học.

(1) Phần dẫn nhập gồm:

- Lời giới thiệu: trình bày mục đích biên soạn, đối tượng sử dụng và ý nghĩa của từ điển.

- Hướng dẫn sử dụng: giới thiệu cách tra cứu và khai thác từ điển theo các hình thức khác nhau (theo nhóm nghĩa và theo bảng chữ cái).

- Khám phá về từ láy: cung cấp một số kiến thức cơ bản, ngắn gọn về từ láy nhằm hỗ trợ HS bước đầu nhận diện và sử dụng từ.



(2) Phần nội dung chính gồm:

- Hệ thống các mục từ từ láy: tổ chức theo các nhóm nghĩa (trường nghĩa) gần gũi với HS tiểu học như: âm thanh, hình dáng, màu sắc, hoạt động. Đây là phần trung tâm của từ điển, giúp HS tiếp cận từ vựng theo mạng lưới ý nghĩa, tạo điều kiện thuận lợi cho việc ghi nhớ, so sánh và vận dụng từ trong ngữ cảnh. Sau mỗi trang có bài tập ngắn kèm theo để HS khắc sâu cách sử dụng từ láy.

- Sau 4 nhóm nghĩa là *Góc luyện tập* gồm đa dạng bài tập như nối từ, điền từ, đặt câu. Đây là phần giúp HS củng cố kiến thức và rèn luyện khả năng sử dụng từ láy. Sau *Góc luyện tập* là *Đáp án* để HS kiểm tra lại phần thực hiện bài tập của mình.



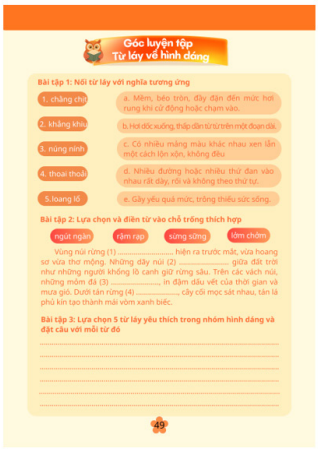

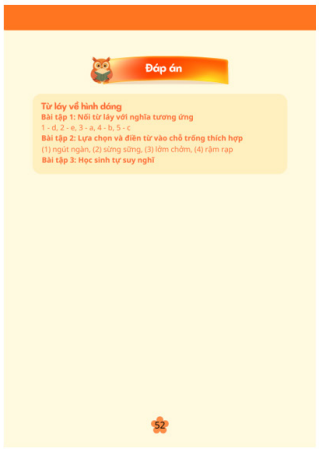

(3) Phần hỗ trợ tra cứu gồm:

- Mục lục tra cứu theo nhóm nghĩa: giúp HS học từ theo chủ đề, mở rộng vốn từ theo trường nghĩa.
- Mục lục tra cứu theo bảng chữ cái (ABC): cho phép HS tìm kiếm nhanh một từ cụ thể, đảm bảo chức năng tra cứu truyền thống của từ điển.

Cách tổ chức kết hợp giữa tra cứu theo nhóm nghĩa và tra cứu theo bảng chữ cái tạo nên cơ chế tra cứu kép, vừa phù hợp với đặc điểm nhận thức của HS tiểu học, vừa tạo điểm khác biệt so với các từ điển truyền thống vốn chủ yếu sắp xếp theo thứ tự chữ cái.

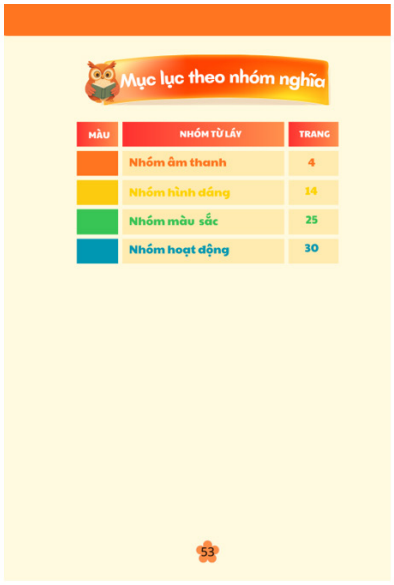



Bên cạnh đó, sản phẩm từ điển từ láy mini được xây dựng khoảng 170 mục từ, được lựa chọn từ ngữ liệu sách giáo khoa và các văn bản phù hợp với lứa tuổi, đảm bảo tính tiêu biểu, tính sư phạm và khả năng sử dụng trong dạy học.

2.3.2. Cấu trúc một mục từ

Trong phần nội dung chính, mỗi mục từ được thiết kế theo hướng sư phạm như sau:

Từ láy: đơn vị trung tâm của mục từ, được trình bày nổi bật để HS dễ nhận diện và ghi nhớ.

Phần giải nghĩa: diễn đạt bằng ngôn ngữ đơn giản, phù hợp với trình độ nhận thức của HS lớp 4,5.

Phần sắc thái nghĩa: giúp HS nhận biết đặc điểm biểu cảm và mức độ gợi tả của từ láy.

Phần từ gần nghĩa hoặc đồng nghĩa (nếu có): nhằm mở rộng vốn từ, giúp HS so sánh, phân biệt sắc thái biểu cảm giữa các từ trong cùng trường nghĩa. Thành phần này phát triển cho HS khả năng lựa chọn và sử dụng từ ngữ linh hoạt, chính xác trong từng ngữ cảnh cụ thể.

Phần ví dụ sử dụng: trong ngữ cảnh cung cấp tình huống cụ thể có chứa từ láy. Ngữ cảnh được xây dựng theo hướng gần gũi với đời sống và trình độ nhận thức của HS.

Phần hình ảnh minh họa giúp tăng khả năng ghi nhớ, đáp ứng đặc điểm tư duy cụ thể - hình ảnh của HS.

Ví dụ minh họa mục từ: từ "cheo leo"

Thành phần	Nội dung
Từ láy	cheo leo
Giải nghĩa	Chỉ trạng thái ở vị trí cao, dễ gây cảm giác nguy hiểm.
Sắc thái nghĩa	Cao, nguy hiểm.
Ví dụ	Cầu khỉ cheo leo bắc qua suối sâu khiến người qua lại không khỏi lo sợ.
Từ gần nghĩa/đồng nghĩa	chênh vênh, chông chênh
Hình ảnh	Bạn nhỏ đang đi qua cầu khỉ.
Bài tập	Chọn từ phù hợp: Ngôi nhà nằm (cheo leo / vững vàng) trên vách núi cao.

Phân tích thiết kế mục từ:

Mục từ được xây dựng với sự hỗ trợ của AI trong việc tạo bản thảo nghĩa và ví dụ, sau đó được chỉnh sửa để đảm bảo tính đơn giản và phù hợp với HS. Việc lựa chọn ví dụ gắn với tình huống quen thuộc giúp tăng khả năng ghi nhớ và vận dụng. Hình ảnh minh họa được định hướng theo đặc điểm trực quan, phù hợp với tư duy cụ thể của HS. Bài tập điền từ được thiết kế nhằm củng cố khả năng nhận diện và sử dụng từ trong ngữ cảnh.





2.3.3. Đặc trưng thiết kế và giá trị sư phạm của từ điển

Từ điển từ láy mini được thiết kế với một số đặc trưng nổi bật về cấu trúc và giá trị sư phạm như sau:

Thứ nhất, từ điển có tính ngắn gọn, dễ tra cứu và dễ sử dụng. Cấu trúc tổng thể của từ điển được sắp xếp khoa học từ lời giới thiệu, hướng dẫn sử dụng, khám phá về từ láy, hệ thống mục từ, luyện tập cho đến phụ lục tra cứu và lời kết. Nội dung từng phần được trình bày ngắn gọn, rõ ràng giúp HS dễ dàng tìm kiếm và sử dụng.

Thứ hai, từ điển có tính trực quan. Mỗi mục từ được xây dựng với nội dung giải nghĩa đơn giản, ví dụ gần gũi và hình ảnh minh họa phù hợp giúp HS dễ hiểu, dễ ghi nhớ và tăng hứng thú học tập.

Thứ ba, từ điển được sắp xếp và tổ chức theo trường nghĩa. Đặc điểm này không chỉ giúp HS mở rộng vốn từ theo hệ thống mà còn rèn luyện

khả năng liên tưởng, so sánh sắc thái ngữ nghĩa của từng từ, từ đó lựa chọn từ ngữ phù hợp trong học tập và giao tiếp.

Thứ tư, từ điển không chỉ dừng lại ở chức năng tra cứu mà còn tích hợp luyện tập. Các dạng bài tập được thiết kế ngắn gọn giúp HS củng cố kiến thức và phát triển năng lực ngôn ngữ.

2.4. Khai thác từ điển từ láy mini trong dạy học

2.4.1. Nguyên tắc sử dụng

Việc sử dụng từ điển từ láy mini trong dạy học cần đảm bảo một số nguyên tắc cơ bản nhằm phát huy hiệu quả của học liệu và phù hợp với định hướng phát triển năng lực ngôn ngữ cho HS tiểu học.

- Việc khai thác từ điển cần gắn với mục tiêu và nội dung bài học, đặc biệt trong các hoạt động mở rộng vốn từ, luyện nói và viết. Từ điển không được sử dụng như một tài liệu tra cứu đơn thuần mà cần được tích hợp vào tiến trình dạy học như một công cụ hỗ trợ hình thành và vận dụng kiến thức.

- Việc sử dụng từ điển cần gắn với các hình thức tổ chức dạy học tích cực, khuyến khích HS tham gia vào các hoạt động tìm kiếm, lựa chọn và sử dụng từ trong ngữ cảnh cụ thể. Điều này góp phần chuyển từ việc "biết từ" sang "dùng được từ".

- Việc khai thác từ điển cần phù hợp với đặc điểm nhận thức của HS tiểu học, ưu tiên các hoạt động trực quan, ngắn gọn và có tính thao tác, tránh gây quá tải về thông tin.

2.4.2. Định hướng sử dụng trong dạy học

Trong thực tiễn dạy học, từ điển từ láy mini có thể được khai thác theo hai hướng chính: hỗ trợ hoạt động của giáo viên và phát triển năng lực tự học của HS.

Đối với giáo viên, từ điển có thể được sử dụng như một nguồn học liệu bổ trợ nhằm minh họa nghĩa của từ, cung cấp ví dụ ngữ cảnh và thiết kế hoạt động luyện tập. Việc tích hợp từ điển vào bài dạy giúp làm phong phú nội dung giảng dạy và tăng tính trực quan của bài học.

Đối với HS, từ điển đóng vai trò như một công cụ học tập hỗ trợ tra cứu và luyện tập. Thông qua việc sử dụng từ điển, HS có thể chủ động tìm hiểu nghĩa của từ, quan sát cách dùng trong ngữ cảnh và thực hành qua các bài tập, từ đó từng bước hình thành năng lực sử dụng từ láy trong giao tiếp và viết.

2.4.3. Một số hình thức khai thác tiêu biểu

Từ điển từ láy mini có thể được sử dụng linh hoạt trong các hoạt động học tập khác nhau, trong đó nổi bật là các hình thức sau:

- *Tra cứu và giải nghĩa từ:* HS sử dụng từ điển để tìm hiểu nghĩa và sắc thái của từ trong quá trình học bài.

- *Lựa chọn từ phù hợp với ngữ cảnh:* HS so sánh các từ láy gần nghĩa và lựa chọn từ phù hợp với tình huống cho trước.

- *Đặt câu và mở rộng ngữ cảnh:* HS sử dụng từ láy để tạo câu hoặc đoạn văn ngắn.

- *So sánh sắc thái biểu cảm:* HS nhận diện sự khác biệt giữa các từ láy cùng trường nghĩa (ví dụ: "lấp lánh" – "lung linh").

Các hình thức này không chỉ giúp củng cố kiến thức về từ vựng mà còn góp phần phát triển năng lực sử dụng ngôn ngữ một cách linh hoạt và sáng tạo.

III. KẾT LUẬN

Bài báo đã tập trung làm rõ khả năng ứng dụng AI trong thiết kế học liệu ngôn ngữ, cụ thể là từ điển từ láy mini dành cho HS tiểu học. Trên cơ sở định hướng phát triển năng lực của Chương trình giáo dục phổ thông 2018 và đặc điểm nhận thức của HS lớp 4,5, nghiên cứu đã xây dựng một hướng tiếp cận thiết kế học liệu kết hợp giữa cơ sở ngôn ngữ học, nguyên tắc sư phạm và sự hỗ trợ của công nghệ AI.

Bài báo đã đề xuất quy trình 5 bước ứng dụng AI trong thiết kế từ điển từ láy mini, bao gồm: xây dựng và chuẩn hóa ngữ liệu, ứng dụng AI trong xử lý và phát triển nội dung, kiểm duyệt và hiệu chỉnh sư phạm, tổ chức nội dung theo cấu trúc mục từ, và hoàn thiện sản phẩm. Quy trình này cho thấy AI có thể hỗ trợ hiệu quả trong việc tạo lập và đa dạng hóa học liệu, đặc biệt ở các khâu giải nghĩa, tạo ví dụ, thiết kế bài tập và gợi ý hình ảnh minh họa. Tuy nhiên, nghiên cứu cũng khẳng định vai trò trung tâm của người thiết kế trong việc kiểm soát chất lượng nội dung nhằm đảm bảo tính chính xác và phù hợp với đối tượng HS.

Bài báo cũng mô tả các bước xây dựng và sản phẩm từ điển từ láy mini với cấu trúc mục từ được thiết kế theo hướng sư phạm, kết hợp giữa

giải nghĩa đơn giản, ví dụ ngữ cảnh, yếu tố trực quan và hoạt động luyện tập. Cách tổ chức này góp phần chuyển từ việc cung cấp tri thức từ vựng sang hỗ trợ phát triển năng lực sử dụng ngôn ngữ, đặc biệt trong các hoạt động nói và viết của HS tiểu học.

Cuối cùng, bài báo đề xuất định hướng và mô hình khai thác từ điển trong dạy học, trong đó từ điển được xem như một công cụ trung gian kết nối giữa học liệu và hoạt động học tập, góp phần hình thành và phát triển năng lực ngôn ngữ của HS. Điều này cho thấy học liệu được thiết kế có hỗ trợ AI không chỉ dừng lại ở việc cung cấp nội dung mà còn có thể tham gia trực tiếp vào quá trình tổ chức dạy học theo hướng tích cực và phát triển năng lực.

Từ những kết quả đạt được, nghiên cứu mở ra một số hướng phát triển tiếp theo như: xây dựng phiên bản số hóa của từ điển, tích hợp vào các nền tảng học tập trực tuyến, mở rộng phạm vi ứng dụng AI trong thiết kế các loại học liệu ngôn ngữ khác, cũng như tiến hành các nghiên cứu thực nghiệm nhằm đánh giá hiệu quả sử dụng trong dạy học.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

Bộ Giáo dục và Đào tạo (2018), *Thông tư số 32/2018/TT-BGDĐT, ngày 26/12/2018 ban hành Chương trình giáo dục phổ thông môn Ngữ văn.*

Diệp Quang Ban (1996)*, Ngữ pháp tiếng Việt, tập 1,* NXB Giáo dục Hà Nội.

Hoàng Văn Hành (1991), *Từ ngữ tiếng Việt trên đường hiểu biết và khám phá,* NXB Khoa học xã hội Hà Nội.

Lê Phương Nga (2011), *Phương pháp dạy học Tiếng Việt ở Tiểu học II,* NXB Đại học Sư phạm.

Tạp chí Giáo dục (2024), *Ứng dụng AI trong giảng dạy: Tiềm năng, thách thức và triển vọng, nguồn: https:// tapchigiaoduc.edu.vn, ngày 25/11/2024.*